

TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc Hội; Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/8/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020; UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020 với các nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết

Từ năm 2018 trở về trước, việc sử dụng giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 23/11/2017. Hiện nay, theo quy định tại Điều 35 Luật Thủy lợi năm 2017 và Điều 4 Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, theo đó giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 bằng mức giá tối đa đã thực hiện năm 2017.

Mặt khác, theo Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020, tại Điều 3 quy định: "*Căn cứ mức giá tối đa quy định tại Điều 1 Quyết định này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo quy định hiện hành nhưng không được vượt quá mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính quy định tại Điều 1 Quyết định này*"; Vì vậy, để có cơ sở tính toán và lập dự toán giá dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh trình Chính phủ hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương, việc xây dựng giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020 là rất cần thiết.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo

1. Mục đích: Để có cơ sở xây dựng dự toán và tính giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020.

2. Quan điểm chỉ đạo: Thực hiện Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020, UBND tỉnh xây dựng mức giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020 đảm bảo không vượt quá giá tối đa do Bộ Tài chính Quy định.

III. Quá trình xây dựng

1. Phương pháp tính giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi

Căn cứ vào thị trường tại thời điểm định giá trong điều kiện thời tiết bình thường (không có thiên tai, hỏa hoạn và điều kiện bất thường khác), chủ quản lý công trình thủy lợi hoặc tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thực hiện xây dựng mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Bộ Tài chính quy định và theo công thức dưới đây để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá và quy định giá tối đa, giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi:

Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	=	Giá thành toàn bộ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	+	Lợi nhuận dự kiến (nếu có)	+	Các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật (nếu có)
---	---	---	---	----------------------------	---	---

a) Giá thành toàn bộ của sản phẩm, dịch vụ thủy công ích thủy lợi bao gồm toàn bộ các chi phí vận hành, chi phí bảo trì, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí quản lý và các chi phí thực tế hợp lý khác của tổ chức khai thác công trình thủy lợi theo từng biện pháp tưới tiêu; loại hình sản phẩm, dịch vụ và nội dung công việc cụ thể.

b) Lợi nhuận dự kiến

Mức lợi nhuận dự kiến tối đa của sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được xác định là mức lợi nhuận dự kiến sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) đảm bảo trích lập quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật (nếu có)

2. Tổng hợp phương án xây dựng giá sản phẩm công ích thủy lợi

2.1. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Đề nghị lấy giá sản phẩm công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh bằng với giá được quy định tại Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020, cụ thể như sau:

a) Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Biện pháp công trình	Mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (đồng/ha/vụ)	
		Các huyện miền núi	Các huyện đồng bằng
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.811.000	1.409.000
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267.000	986.000
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539.000	1.197.000

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá tối đa tính bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá tối đa tính bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá tối đa tính bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá tối đa tính bằng 70% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá tối đa được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tách riêng mức thu cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

b) Giá áp dụng đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ Đông thì mức giá tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

c) Giá áp dụng đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Giá tính theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá tối đa quy định tại Biểu mức giá tối đa đối với cấp nước nêu trên.

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá tối đa bằng 80% mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

- Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá tối đa bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

2.2. Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh:

Mức giá xây dựng trên cơ sở tính đúng, tính đủ như sau:

a) Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Biện pháp công trình	Mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (đồng/ha/vụ)	
		Các huyện miền núi	Các huyện đồng bằng
1	Tưới tiêu bằng động lực	3.309.000	2.359.000
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267.000	1.597.000
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539.000	1.197.000

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá tối đa tính bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá tối đa tính bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá tối đa tính bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá tối đa tính bằng 70% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá tối đa được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tách riêng mức thu cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

b) Giá áp dụng đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ Đông thì mức giá tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

c) Giá áp dụng đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Giá tính theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm	405	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá tối đa quy định tại Biểu mức giá tối đa đối với cấp nước nêu trên.

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá tối đa bằng 80% mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

- Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá tối đa bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

Như vậy, giá do Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh xây dựng theo phương pháp tính đúng, tính đủ, thì một số mức giá cao hơn giá tối đa quy định tại Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

- Tưới tiêu bằng động mực (miền núi): 3.309.000đ/ha/vụ, so với mức giá tối đa là: 1.811.000đ/ha/vụ.

- Tưới tiêu bằng động mực (đồng bằng): 2.359.000đ/ha/vụ, so với mức giá tối đa là: 1.409.000đ/ha/vụ.

- Tưới tiêu bằng trọng mực (đồng bằng): 1.597.000đ/ha/vụ, so với mức giá tối đa là: 986.000đ/ha/vụ.

- Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản: 405 đồng/m² mặt thoát/năm, so với mức giá tối đa là: 250 đồng/m² mặt thoát/năm.

Các mức giá còn lại lấy theo mức giá được quy định tại Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính.

3. Mức giá đề xuất của phương án

Theo quy định tại mục b, khoản 1, Điều 4 của Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định “*Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và thông báo giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi*”. Theo đó, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã có Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020.

Trong quá trình xây dựng giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, theo phương pháp tính đúng, tinh đủ, một số mức giá do Công ty TNHH MTV Quản lý, khai thác công trình thủy lợi tỉnh xây dựng vượt mức giá được quy định của Bộ Tài chính, còn lại các mức giá khác ngang bằng với mức giá quy định của Bộ Tài chính.

Theo Quy định của mục a, khoản 1, Điều 4, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định “*Giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 trong thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 bằng mức giá tối đa đã thực hiện năm 2017*”. Theo đó, mức giá mà các địa phương xây dựng không được vượt quá mức giá tối đa do Bộ Tài chính quy định.

Do đó, sau khi tổng hợp, UBND tỉnh trình phương án giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020 như sau:

a) Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Biện pháp công trình	Mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (đồng/ha/vụ)	
		Các huyện miền núi	Các huyện đồng bằng
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.811.000	1.409.000
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267.000	986.000
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539.000	1.197.000

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá tối đa tính bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá tối đa tính bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá tối đa tính bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá tối đa tính bằng 70% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá tối đa được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tách riêng mức thu cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

b) Giá áp dụng đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ Đông thì mức giá tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

c) Giá áp dụng đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Giá tính theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoáng/năm	250	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá tối đa quy định tại Biểu mức giá tối đa đối với cấp nước nêu trên.

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá tối đa bằng 80% mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

- Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá tối đa bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

IV. Bộ cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết

1. Bộ cục

Quy định giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019-2020 gồm 2 điều:

- Điều 1. Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020

- Điều 2. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung cơ bản

Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020

a) Giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Biện pháp công trình	Mức hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (đồng/ha/vụ)	
		Các huyện miền núi	Các huyện đồng bằng
1	Tưới tiêu bằng động lực	1.811.000	1.409.000
2	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267.000	986.000
3	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539.000	1.197.000

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá tối đa tính bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá tối đa tính bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá tối đa tính bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá tối đa tính bằng 70% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá tối đa được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tách riêng mức thu cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

b) Giá áp dụng đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ Đông thì mức giá tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

c) Giá áp dụng đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Giá tính theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá tối đa quy định tại Biểu mức giá tối đa đối với cấp nước nêu trên.

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá tối đa bằng 80% mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

- Tiêu thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá tối đa bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

Trên đây là nội dung phương án giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019-2020; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TH_D, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH TC



Nguyễn Đức Chính